

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tố Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Hòa

2. Bà Lê Thị Quỳnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 777/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trúc Nguyễn T**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 19, Khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1986 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 19, Khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2022 của nguyên đơn bà **Nguyễn Trúc Nguyễn T** và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 01, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 23/6/2010. Từ khi kết hôn, hai người sinh sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H đam mê cờ bạc, cá độ, nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con. Bà T đã nhiều lần can ngăn, ông H có hứa sẽ thay đổi, nhưng đến nay ông H vẫn không thay đổi. Bà T không chịu đựng được tình cảnh này nữa, vì rất nhiều lần bà T đã phải trả nợ cờ bạc cho ông H. Nay bà T không còn tình cảm với ông H, bà T sống riêng từ tháng 10 năm 2022 đến nay, nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông H có một (01) con chung tên là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2011. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Ông Trần Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H đồng ý với lời trình bày của bà T về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nay ông H không đồng ý ly hôn với bà Thanh, xin bà Trút đơn để ông H có thời gian sửa đổi.

- Về con chung: Ông H xác nhận, ông và bà T có một con chung tên là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2011. Nếu ly hôn, ông H đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: ông H khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/6/2010, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** và ông Trần Văn H là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Bà T và ông H kết hôn năm 2010. Theo bà Thanh, hai người sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do ông H đam mê cờ bạc, cá độ, nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con. Bà T nhiều lần can ngăn, ông H hứa sẽ thay đổi, nhưng đến nay ông H vẫn không thay đổi. Bà T không chịu đựng được tình cảnh này, vì nhiều lần bà T phải trả nợ thay cho ông H. Nay bà T không còn tình cảm với ông H, bà T ra sống riêng từ tháng 10 năm 2022 đến nay nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Xét, bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** và ông H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã vì ông H không chăm lo cuộc sống cho vợ con, gây nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông H, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông H có lời khai không đồng ý ly hôn với bà T nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H xin vắng mặt là không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này, vì vậy việc bà T có yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thanh.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao y) số 62, quyển 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/5/2011, có cơ sở để xác định bà Tvà ông H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2011. Bà Tyêu cầu được nuôi trẻ Thùy đến tuổi thành niên. Tại phiên hòa giải ông H đồng ý để bà Tnuôi con chung và trẻ Trần Nguyễn Thanh T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Tnên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2011 cho bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tkhông yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 các Điều 207, 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Nguyễn Trúc Nguyên T**.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** được ly hôn với ông Trần Văn H.

[1.2] Về con chung: Giao trẻ Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/3/2011 cho bà **Nguyễn Trúc Nguyên T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tkhông yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà **Nguyễn Trúc Nguyễn T** phải chịu. Bà **Nguyễn Trúc Nguyễn T** đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0015239 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Tố Nhân**